

Số: /VPUB-PVHCC  
V/v công khai TTHC lĩnh vực tài  
nguyên nước tại Quyết định số  
872/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của  
Chủ tịch UBND tỉnh

Điện Biên, ngày tháng 5 năm 2026

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 872/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên. Đến nay, việc nhập dữ liệu, đăng tải công khai 22 TTHC, hủy công khai 04 TTHC tại Quyết định công bố nêu trên vào Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của Cổng dịch vụ công quốc gia đã hoàn thành (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*); thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị:

### 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Khai thác thông tin, công khai 21 TTHC tại phần I Mục A Phụ lục kèm theo Công văn này lên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, địa phương và niêm yết trên Bảng niêm yết thủ tục hành chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác, tìm hiểu, nộp hồ sơ thủ tục hành chính theo mã số đã công khai.

- Hủy công khai, bỏ niêm yết 04 TTHC tại Mục B Phụ lục kèm theo Công văn này.

### 2. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Khai thác thông tin, công khai 01 TTHC cấp xã tại phần II Mục A Phụ lục kèm theo Công văn này lên Cổng/Trang Thông tin điện tử của địa phương và niêm yết trên Bảng niêm yết thủ tục hành chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác, tìm hiểu, nộp hồ sơ thủ tục hành chính theo mã số đã công khai.

### 3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Kết nối, đồng bộ các TTHC giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Đóng thông tin, quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đối với TTHC hủy công khai.

Văn phòng UBND tỉnh đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân các xã, phường quan tâm triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: VT, PVHCC<sub>(LTH)</sub>.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Nguyễn Tiến Cường**

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH TTHC TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 872/QĐ-UBND NGÀY**  
**23/4/2026 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH ĐÃ CÔNG KHAI TRÊN CƠ SỞ**  
**DỮ LIỆU TTHC CỦA CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA**  
*(Kèm theo Công văn số /NPUB-PVHCC ngày tháng 5 năm 2026*  
*của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG KHAI**

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Mức độ DVCTT	Phi địa giới
<b>I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>				
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004232.000.0 0.00.H18	Một phần	x
2	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004211.000.0 0.00.H18	Một phần	x
3	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004223.000.0 0.00.H18	Một phần	x
4	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004228.000.0 0.00.H18	Một phần	x
5	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	1.004179.000.0 0.00.H18	Một phần	x
6	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	1.004167.000.0 0.00.H18	Một phần	x
7	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1.000824.000.0 0.00.H18	Toàn trình	x
8	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1.011518.000.0 0.00.H18	Toàn trình	x
9	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1.012500.000.0 0.00.H18	Toàn trình	x
10	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	1.004122.000.0 0.00.H18	Một phần	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Mức độ DVCTT	Phi địa giới
11	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	2.001738.000.0 0.00.H18	Một phần	x
12	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	1.004253.000.0 0.00.H18	Toàn trình	x
13	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	1.012501.000.0 0.00.H18	Toàn trình	x
14	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	2.001770.000.0 0.00.H18	Toàn trình	x
15	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.004283.000.0 0.00.H18	Toàn trình	x
16	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	1.012503.000.0 0.00.H18	Toàn trình	x
17	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	1.012504.000.0 0.00.H18	Toàn trình	x
18	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	2.001850.000.0 0.00.H18	Một phần	x
19	Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước	1.013799.H18	Một phần	x
20	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	2.002835.H18	Một phần	x
21	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	1.014716.H18	Một phần	x

## II. Thủ tục hành chính cấp xã

1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	1.001662.000.0 0.00.H18	Một phần	x
---	--	----------------------------	----------	---

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>	
1	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch
2	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
<b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>	
3	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền
4	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành